

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-43
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-43

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Cao su Sao Vàng theo Quyết định số 3500/QĐ-BCN ngày 24 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về phê duyệt Phương án và chuyển Công ty Cao su Sao Vàng thành Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103011568 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03 tháng 04 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 25 tháng 11 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lâm Thái Dương	Chủ tịch
Ông Mai Chiến Thắng	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Ủy viên
Ông Ngô Tuấn Anh	Ủy viên
Ông Nguyễn Công Tuấn	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Mai Chiến Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Hào	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Trần Minh Tuấn	Trưởng ban
Ông Hoàng Đức Dũng	Thành viên
Ông Trần Đình Tùng	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Mai Chiến Thắng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2018

3-C
077
KIẾP
A.A
DAN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng được lập ngày 20 tháng 01 năm 2018, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tính đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, Công ty chưa có kết luận của cơ quan Kiểm toán Nhà nước về việc kiểm toán dự án "Tổ hợp Thương mại và Nhà ở Sao Vàng - Hoàn Sơn" theo chuyên đề "Việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện các dự án đầu tư của Tập đoàn Công nghiệp Hoá chất Việt Nam, Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam và Tổng công ty Lương thực miền Nam" (chi tiết tại thuyết minh số 37).

Vấn đề nhấn mạnh này không ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt kiểm toán. Theo đó, Kiểm toán viên đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2018

Bùi Thanh Cương

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2066-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		436.748.133.549	402.656.685.306
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	42.696.397.937	46.572.168.216
111	1. Tiền		32.696.397.937	31.072.168.216
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.000.000.000	15.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		108.153.461.272	103.904.621.626
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	106.540.987.589	99.351.188.632
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		936.743.584	5.429.166.820
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	3.944.474.796	4.823.443.019
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(3.268.744.697)	(5.699.176.845)
140	IV. Hàng tồn kho	9	269.804.170.246	233.784.086.462
141	1. Hàng tồn kho		269.804.170.246	233.784.086.462
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		16.094.104.094	18.395.809.002
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		16.018.387.670	17.831.509.333
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	75.716.424	564.299.669
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		420.746.504.873	322.445.065.025
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		919.052.000	1.101.052.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	919.052.000	1.101.052.000
220	II. Tài sản cố định		102.440.576.495	100.408.113.880
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	65.120.722.841	51.132.630.597
222	- Nguyên giá		603.544.350.966	577.447.503.801
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(538.423.628.125)	(526.314.873.204)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	33.704.130.632	45.659.760.261
225	- Nguyên giá		52.815.836.568	60.068.684.977
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(19.111.705.936)	(14.408.924.716)
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	3.615.723.022	3.615.723.022
228	- Nguyên giá		3.615.723.022	3.703.723.022
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	(88.000.000)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		7.067.978.466	8.901.307.498
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	7.067.978.466	8.901.307.498
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	5	135.717.853.434	32.039.048.712
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		130.000.000.000	26.000.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		8.444.062.358	8.444.062.358
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(2.726.208.924)	(2.405.013.646)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		174.601.044.478	179.995.542.935
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	174.601.044.478	179.995.542.935
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		857.494.638.422	725.101.750.331

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		514.256.477.437	379.855.426.320
310	I. Nợ ngắn hạn		221.913.833.093	181.128.662.275
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	57.034.383.028	43.479.785.808
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	3.999.598.129	2.749.576.699
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	2.572.690.330	7.169.214.523
314	4. Phải trả người lao động		13.611.738.063	18.583.896.460
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	455.379.870	669.473.271
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		3.545.456	21.090.910
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	2.158.107.975	2.519.451.837
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	130.562.980.999	91.257.288.188
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		11.515.409.243	14.678.884.579
330	II. Nợ dài hạn		292.342.644.344	198.726.764.045
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	143.500.000.000	143.500.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	142.842.644.344	42.226.764.045
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	21	6.000.000.000	13.000.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		343.238.160.985	345.246.324.011
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	342.988.160.985	345.246.324.011
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		280.657.650.000	280.657.650.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		280.657.650.000	280.657.650.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.605	3.605
415	3. Cổ phiếu quỹ		(23.970.000)	(23.970.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		50.011.480.090	39.473.417.045
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		12.342.997.290	25.139.223.361
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		8.061.320.284	11.580.288.877
421b	LNST chưa phân phối năm nay		4.281.677.006	13.558.934.484
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		250.000.000	-
431	1. Nguồn kinh phí	23	250.000.000	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		857.494.638.422	725.101.750.331


Lê Thị Thúy Lan
Người lập

Nguyễn Thanh Tùng
Trưởng phòng TCKT

Mai Chiến Thắng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25	936.280.789.494	912.996.435.810
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26	2.544.156.059	3.942.866.844
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		933.736.633.435	909.053.568.966
11	4. Giá vốn hàng bán	27	784.453.856.853	727.389.959.644
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		149.282.776.582	181.663.609.322
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28	1.572.032.926	1.996.715.259
22	7. Chi phí tài chính	29	11.689.527.934	13.074.348.991
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		7.844.890.620	9.281.764.443
25	8. Chi phí bán hàng	30	37.935.804.931	33.636.607.190
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	66.983.152.524	55.230.746.616
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		34.246.324.119	81.718.621.784
31	11. Thu nhập khác	32	9.094.437.931	2.773.777.969
32	12. Chi phí khác		98.968.167	322.692.635
40	13. Lợi nhuận khác		8.995.469.764	2.451.085.334
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		43.241.793.883	84.169.707.118
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	8.998.358.777	16.833.941.424
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>34.243.435.106</u>	<u>67.335.765.694</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	1.123	2.201


Lê Thị Thúy Lan
Người lập

Nguyễn Thanh Tùng
Trưởng phòng TCKTMai Chiến Thắng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		43.241.793.883	84.169.707.118
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		23.638.663.853	23.176.192.871
03	- Các khoản dự phòng		667.109.896	803.754.473
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		4.622.233	255.709.684
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.664.085.927)	(3.174.411.494)
06	- Chi phí lãi vay		7.844.890.620	9.281.764.443
07	- Các khoản điều chỉnh khác		(7.000.000.000)	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		65.732.994.558	114.512.717.095
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		619.354.354	(11.582.962.083)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(36.020.083.784)	25.214.943.862
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		6.574.187.732	132.626.869.725
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		5.394.498.457	(3.680.704.856)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(7.797.390.620)	(9.586.439.443)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(11.089.243.306)	(16.760.625.779)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		350.690.000	951.330.430
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.651.497.660)	(9.377.049.018)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		18.113.509.731	222.318.079.933
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(25.821.674.713)	(182.633.071.422)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		1.455.263.105	1.508.449.120
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(104.000.000.000)	(26.000.000.000)
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.205.239.489	1.665.962.374
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(127.161.172.119)	(205.458.659.928)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2017
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
32	1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(8.570.000)
33	2. Tiền thu từ đi vay		382.732.816.509	361.368.525.154
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(232.986.160.702)	(319.702.956.371)
35	4. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính		(11.010.637.629)	(11.327.056.569)
36	5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(33.563.891.460)	(41.902.382.916)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>105.172.126.718</i>	<i>(11.572.440.702)</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(3.875.535.670)	5.286.979.303
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		46.572.168.216	41.284.330.440
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(234.609)	858.473
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	<u>42.696.397.937</u>	<u>46.572.168.216</u>

Lê Thị Thúy Lan
Người lập

Nguyễn Thanh Tùng
Trưởng phòng TCKT



Mai Chiến Thắng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Cao su Sao Vàng theo Quyết định số 3500/QĐ-BCN ngày 24 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về phê duyệt Phương án và chuyển Công ty Cao su Sao Vàng thành Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103011568 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03 tháng 04 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 25 tháng 11 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 280.657.650.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 280.657.650.000 đồng; tương đương 28.065.765 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất sản phẩm công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh các sản phẩm cao su;
- Mua bán, sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, xe máy và phụ tùng thay thế;
- Cho thuê cửa hàng, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Chế tạo, lắp đặt và mua bán máy móc thiết bị phục vụ ngành cao su;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, hóa chất phục vụ cho ngành sản xuất công nghiệp cao su;
- Đại lý mua, đại lý bán, kỹ gửi hàng hóa.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại Thái Bình	Thái Bình	Kinh doanh sản phẩm cao su
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại Thành phố Đà Nẵng	Đà Nẵng	Kinh doanh sản phẩm cao su
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại Thành phố Hồ Chí Minh	Hồ Chí Minh	Kinh doanh sản phẩm cao su

Thông tin về công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 5.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

116
JAC
30/01/2018
GY
A
11

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: Là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: Áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: Áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: Áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết: Căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: Việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 12	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 10	năm
- Tài sản cố định khác	08 - 10	năm
- Phần mềm quản lý	04	năm
- Quyền sử dụng đất không thời hạn không trích khấu hao		

2.11 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, Công ty được nhận khoản lợi nhuận trước thuế cố định hàng năm, không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là hàng bán bị trả lại.

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ THEO KẾT QUẢ THANH TRA CỦA CƠ QUAN THANH TRA

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 căn cứ trên Biên bản kiểm toán năm 2016 của Cơ quan kiểm toán Nhà nước. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu đã kiểm toán năm trước VND	Số liệu điều chỉnh theo Biên bản kiểm toán Nhà nước VND	Chênh lệch VND	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán					
Tài sản cố định hữu hình	221	50.370.020.168	51.132.630.597	762.610.429	(1)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	45.451.722.244	45.659.760.261	208.038.017	(2)
Chi phí trả trước dài hạn	261	180.121.342.935	179.995.542.935	(125.800.000)	(3)
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	3.233.288.376	2.749.576.699	(483.711.677)	(4)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	6.849.052.498	7.169.214.523	320.162.025	(5)
Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	14.733.334.579	14.678.884.579	(54.450.000)	(6)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	24.076.375.263	25.139.223.361	1.062.848.098	(7)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh					
Giá vốn hàng bán	11	727.810.931.315	727.389.959.644	(420.971.671)	(1,2)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	55.654.623.391	55.230.746.616	(423.876.775)	(1,2,3)
Thu nhập khác	31	2.290.066.292	2.773.777.969	483.711.677	(4)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	82.841.146.995	84.169.707.118	1.328.560.123	(7)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	16.568.229.399	16.833.941.424	265.712.025	(5)

ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ THEO KẾT QUẢ THANH TRA CỦA CƠ QUAN THANH TRA (TIẾP THEO)

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu đã kiểm toán năm trước</u> VND	<u>Số liệu điều chỉnh theo Biên bản kiểm toán Nhà nước</u> VND	<u>Chênh lệch</u> VND	<u>Ghi chú</u>
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ					
Lợi nhuận trước thuế	01	82.841.146.995	84.169.707.118	1.328.560.123	(7)
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	23.070.204.913	23.176.192.871	105.987.958	(1,2)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	133.056.131.402	132.626.869.725	(429.261.677)	(8)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(3.806.504.856)	(3.680.704.856)	125.800.000	(3)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(9.322.599.018)	(9.377.049.018)	(54.450.000)	(6)
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(181.556.435.018)	(182.633.071.422)	(1.076.636.404)	(1,2)

- (1) Điều chỉnh một số chi phí đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định và trích khấu hao bổ sung.
- (2) Điều chỉnh bổ sung tài sản cố định thuế tài chính do hạch toán thiếu và trích khấu hao bổ sung.
- (3) Điều chỉnh giảm chi phí trả trước tương ứng giảm chi phí đối với giá trị tài sản cố định hệ thống camera.
- (4) Kết chuyển thu nhập khác đối với công nợ một số đối tượng trả trước nhưng không đòi hoặc không xác định được đối tượng phát sinh từ năm 2009 đến 2015.
- (5) Bao gồm khoản điều chỉnh khoản thuế Thu nhập doanh nghiệp do ảnh hưởng bởi các bút toán điều chỉnh liên quan đến thu nhập tính thuế và điều chỉnh thuế GTGT đầu vào không đúng quy định.
- (6) Điều chỉnh giảm Quỹ phúc lợi tương ứng phần giá trị thuế GTGT đầu vào không đúng quy định.
- (7) Chênh lệch do ảnh hưởng các bút toán điều chỉnh liên quan đến lợi nhuận.
- (8) Chênh lệch do ảnh hưởng của các bút toán điều chỉnh liên quan đến thay đổi các khoản phải trả.

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2017</u> VND	<u>01/01/2017</u> VND
Tiền mặt	691.099.444	2.797.322.132
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	32.005.298.493	28.274.846.084
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	15.500.000.000
	<u>42.696.397.937</u>	<u>46.572.168.216</u>

Tại ngày 31/12/2017, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 10 tỷ VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa với lãi suất 4,3%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết				
- Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàng Sơn (1)	130.000.000.000	-	26.000.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác				
- Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam (2)	8.444.062.358	(2.726.208.924)	8.444.062.358	(2.405.013.646)
	8.444.062.358	(2.726.208.924)	8.444.062.358	(2.405.013.646)
	138.444.062.358	(2.726.208.924)	34.444.062.358	(2.405.013.646)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2017 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàng Sơn (1)	Hà Nội	26,00%	26,00%	Kinh doanh bất động sản
Đầu tư vào đơn vị khác				
Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam (2)	Bà Rịa - Vũng Tàu	7,00%	7,00%	Sản xuất tham cốc

(1) Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng ký hợp đồng hợp tác đầu tư số 18/2016/HĐHTD/SRC-HS ngày 15/06/2016 với Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Sơn. Theo điều khoản chính của hợp đồng, các bên tham gia sẽ góp vốn thành lập Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàng Sơn để thực hiện dự án "Tổ hợp Thương mại và Nhà ở Sao Vàng - Hoàng Sơn" tại 231 Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội. Theo đó, Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàng Sơn được thành lập vào tháng 7 năm 2016 và đã thực hiện góp đủ vốn điều lệ theo quy định. Cụ thể, tính đến thời điểm 31/12/2017, vốn điều lệ của Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàng Sơn là 500 tỷ đồng, trong đó Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng góp 26% vốn điều lệ tương đương với số tiền 130 tỷ đồng. Hiện nay, Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàng Sơn vẫn đang trong giai đoạn lập hồ sơ pháp lý để triển khai dự án.

(2) Công ty thực hiện trích lập dự phòng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam theo Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2016 đến ngày 31/03/2017 của Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam. Theo Nghị quyết số 61/NQ-DHĐCD ngày 26/04/2016 của Đại hội đồng thường niên Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng năm 2016, Công ty dự định thoái toán bộ vốn khỏi Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNGSố 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty Cổ phần Ô tô TMT - Chi nhánh tại Hưng Yên	17.565.509.784	16.692.324.499
- Công ty TNHH Sao Mai Anh	24.121.643.385	23.154.463.204
- Hợp tác xã Minh Thành	4.012.779.082	4.602.709.173
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Loan Tuyết	6.085.182.597	6.344.866.137
- Các khoản phải thu khách hàng khác	54.755.872.741	48.556.825.619
	106.540.987.589	99.351.188.632
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40.	3.408.733.500	1.554.103.760

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.583.333	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	1.814.425	-	-	-
Tạm ứng	95.091.424	-	295.379.564	-
Ký cược, ký quỹ	182.000.000	-	400.701.972	-
Phải thu về khoản góp vốn tại Công ty Cổ phần Philips Carbon	2.966.978.675	-	2.966.978.675	-
Phải thu về các khoản chi hộ cho Công ty Cổ phần Philips Carbon	105.918.500	(105.918.500)	105.918.500	(105.918.500)
Phải thu tiền điện, nước các đối tượng thuê mặt bằng	107.729.644	-	94.823.030	-
Phải thu về bảo hiểm lao động	360.671.462	-	593.974.227	-
Phải thu khác	120.687.333	-	365.667.051	-
	3.944.474.796	(105.918.500)	4.823.443.019	(105.918.500)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	919.052.000	-	1.101.052.000	-
	919.052.000	-	1.101.052.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNGSố 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

8 . NỢ XẤU

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
- Công ty TNHH Thương mại Phú Thịnh	362.867.292	-	362.867.292	-
- Công ty Cổ phần ôtô An Thái CONECO-Thái Bình	686.000.000	686.000.000	686.000.000	-
- Công ty TNHH Phong Lâm	991.205.745	-	991.205.745	-
- Nguyễn Thị Hương	2.295.071.905	2.295.071.905	2.395.416.984	2.063.545.134
- Các khoản khác	3.938.515.183	3.592.838.760	3.473.032.628	145.800.670
	8.273.660.125	6.573.910.665	7.908.522.649	2.209.345.804

(*) Công ty xác định giá trị có thể thu hồi của khoản nợ xấu căn cứ trên cơ sở đánh giá của Ban Giám đốc về số nợ có thể thu hồi trong tương lai.

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	151.613.362.828	-	143.818.769.078	-
Công cụ, dụng cụ	7.930.001.612	-	7.398.287.811	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.335.282.922	-	3.413.878.175	-
Thành phẩm	98.272.091.918	-	76.382.498.011	-
Hàng hoá	5.062.521.876	-	2.179.744.297	-
Hàng gửi đi bán	590.909.090	-	590.909.090	-
	269.804.170.246	-	233.784.086.462	-

Trong đó:

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 77.240.080.708 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNGSố 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	6.496.353.398	5.369.897.762
- Dự án di dời và sản xuất lốp radial (1)	6.079.503.307	5.124.871.398
- Xây dựng nhà kho Chi nhánh Thái Bình (2)	416.850.091	245.026.364
Mua sắm tài sản cố định	400.134.545	13.043.636
- Hệ thống cấp gió mát	363.770.909	13.043.636
- Máy luyện kín 270 lít XNLXH	36.363.636	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	171.490.523	3.518.366.100
- Sửa chữa máy luyện kín 370 lít	-	2.647.745.000
- Sửa chữa máy ép đùn xuất tấm	-	731.058.600
- Chi phí sửa chữa lớn khác	171.490.523	139.562.500
	7.067.978.466	8.901.307.498

(1) Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 0186551460 ngày 13/07/2016 của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam cấp cho Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng, Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng sẽ thực hiện Dự án di dời và sản xuất lốp radial tại khu công nghiệp Châu Sơn, Hà Nam. Tính đến thời điểm 31/12/2017, Dự án mới phát sinh các chi phí lập hồ sơ thiết kế, đề án tính khả thi để trình Bộ Công thương phê duyệt.

(2) Công trình Nhà kho Chi nhánh Thái Bình có tổng mức đầu tư hơn 9 tỷ đồng, hiện đang trong quá trình hoàn thành tư vấn thiết kế, chuẩn bị mặt bằng và dự kiến sẽ hoàn thành trong năm 2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SAO VÀNGSố 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

II . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu năm (đã điều chỉnh)	105.520.413.514	433.741.784.441	37.170.094.050	1.015.211.796	577.447.503.801					
- Mua trong năm	-	20.792.171.035	3.364.827.749	-	24.156.998.784					
- Tặng do mua lại thuế tài chính	-	8.261.471.093	505.505.000	-	8.766.976.093					
- Thanh lý, nhượng bán	-	(4.948.191.698)	(1.878.936.014)	-	(6.827.127.712)					
Số dư cuối năm	105.520.413.514	457.847.234.871	39.161.490.785	1.015.211.796	603.544.350.966					
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm (đã điều chỉnh)	82.000.503.287	410.016.189.132	33.687.066.719	611.114.066	526.314.873.204					
- Khấu hao trong năm	3.608.665.986	9.600.566.037	826.275.596	160.534.122	14.196.041.741					
- Tặng do mua lại thuế tài chính	-	4.396.424.383	343.416.509	-	4.739.840.892					
- Thanh lý, nhượng bán	-	(4.948.191.698)	(1.878.936.014)	-	(6.827.127.712)					
Số dư cuối năm	85.609.169.273	419.064.987.854	32.977.822.810	771.648.188	538.423.628.125					
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	23.519.910.227	23.725.595.309	3.483.027.331	404.097.730	51.132.630.597					
Tại ngày cuối năm	19.911.244.241	38.782.247.017	6.183.667.975	243.563.608	65.120.722.841					

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 2.005.986.480 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 431.086.256.784 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNGSố 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm (đã điều chỉnh)	58.265.782.250	1.802.902.727	60.068.684.977
- Thuê tài chính	1.514.127.684	-	1.514.127.684
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(8.261.471.093)	(505.505.000)	(8.766.976.093)
Số dư cuối năm	51.518.438.841	1.297.397.727	52.815.836.568
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm (đã điều chỉnh)	13.542.610.414	866.314.302	14.408.924.716
- Khấu hao trong năm	9.179.757.250	262.864.862	9.442.622.112
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(4.396.424.383)	(343.416.509)	(4.739.840.892)
Số dư cuối năm	18.325.943.281	785.762.655	19.111.705.936
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	44.723.171.836	936.588.425	45.659.760.261
Tại ngày cuối năm	33.192.495.560	511.635.072	33.704.130.632

13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	3.615.723.022	88.000.000	3.703.723.022
- Thanh lý, nhượng bán	-	(88.000.000)	(88.000.000)
Số dư cuối năm	3.615.723.022	-	3.615.723.022
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	88.000.000	88.000.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	(88.000.000)	(88.000.000)
Số dư cuối năm	-	-	-
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	3.615.723.022	-	3.615.723.022
Tại ngày cuối năm	3.615.723.022	-	3.615.723.022

(*) Là giá trị của các lô đất có quyền sử dụng đất không thời hạn tại Chi nhánh Đà Nẵng và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNGSố 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2017	01/01/2017 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	6.615.439.241	8.388.610.981
Chi phí mua bảo hiểm phòng chống cháy nổ	265.817.988	151.153.125
Chi phí mua bảo hiểm tài sản	38.057.349	39.810.355
Chi phí thuê đất tại khu công nghiệp Châu Sơn, Hà Nam để thực hiện dự án (*)	167.080.896.570	171.415.968.474
Chi phí biển quảng cáo	600.833.330	-
	174.601.044.478	179.995.542.935

(*) Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng ký kết hợp đồng thuê đất số 17/HĐTD-HVPID ngày 18/07/2016 với Công ty TNHH Một thành viên VPID Hà Nam để thuê lại 212.538 m² đất tại Lô E, Khu công nghiệp Châu Sơn - Thành phố Phủ Lý - Tỉnh Hà Nam. Thời gian thuê là 40 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng. Thông tin chi tiết về mục đích thuê đất để phục vụ dự án được nêu tại thuyết minh số 37.

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty TNHH Kim Trường Phúc	8.024.660.100	8.024.660.100	9.663.031.400	9.663.031.400
Công ty Cổ phần Dệt Công nghiệp Hà Nội	4.535.910.212	4.535.910.212	5.171.010.421	5.171.010.421
Công ty TNHH Chế biến Cao su Đà Nẵng	4.036.785.000	4.036.785.000	1.722.560.000	1.722.560.000
Công ty TNHH Jepsen&Jessen Ingredients Việt Nam	4.450.529.600	4.450.529.600	-	-
Phải trả các đối tượng khác	35.986.498.116	35.986.498.116	26.923.183.987	26.923.183.987
	57.034.383.028	57.034.383.028	43.479.785.808	43.479.785.808
b) Phải trả các bên liên quan	4.950.000	4.950.000	2.986.619.000	2.986.619.000

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40.)

16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
IRSHAD TAHIR CO,LDT-Afghanistan	1.297.778.736	363.668.576
Tyrecorp in Corporated	572.613.106	-
Người mua trả tiền trước khác	2.129.206.287	2.385.908.123
	3.999.598.129	2.749.576.699

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNGSố 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm (đã điều chỉnh)	Số phải nộp đầu năm (đã điều chỉnh)	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	2.719.140.295	28.692.103.498	30.396.908.516	-	1.014.335.277
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	1.088.460.259	1.088.460.259	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	3.575.605.485	8.998.358.777	11.089.243.306	-	1.484.720.956
Thuế Thu nhập cá nhân	-	719.672.074	1.052.462.368	1.698.500.345	-	73.634.097
Thuế Tài nguyên	-	-	71.136.000	71.136.000	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	564.299.669	-	12.485.489.585	11.996.906.340	75.716.424	-
Các loại thuế khác	-	154.796.669	63.446.634	218.243.303	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	2.519.819	2.519.819	-	-
	564.299.669	7.169.214.523	52.453.976.940	56.561.917.888	75.716.424	2.572.690.330

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNGSố 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay	197.000.000	149.500.000
Chi phí vận chuyển	-	300.000.000
Chi phí phải trả khác	258.379.870	219.973.271
	455.379.870	669.473.271

19 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	269.690.548	218.643.118
- Bảo hiểm xã hội	6.419.900	1.129.480
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	405.607.200	456.107.200
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.021.878.251	909.728.111
- Lãi chậm nộp tiền thu từ cổ phần hóa	-	244.528.899
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	454.512.076	689.315.029
	2.158.107.975	2.519.451.837
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	143.500.000.000	143.500.000.000
	143.500.000.000	143.500.000.000

(*) Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn hỗ trợ kinh phí để Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng di dời Nhà máy về Khu công nghiệp Châu Sơn, Thành phố Phú Lý, Tỉnh Hà Nam với số tiền 435 tỷ đồng chưa bao gồm các loại thuế, chia thành 4 lần chuyển tiền và được thực hiện trong thời gian từ năm 2016 đến năm 2018. Tính đến thời điểm 31/12/2017, Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn đã chuyển 02 đợt cho Công ty số tiền tương ứng là 143.500.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VẮNGSố 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**20 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Vay ngắn hạn						
- Vay ngắn hạn	76.763.680.393	76.763.680.393	266.805.305.422	229.091.726.580	114.477.259.235	114.477.259.235
- <i>Vay Ngân hàng (1)</i>	68.792.556.939	68.792.556.939	262.809.571.076	222.822.013.848	108.780.114.167	108.780.114.167
- <i>Vay Cá nhân (2)</i>	7.971.123.454	7.971.123.454	3.995.734.346	6.269.712.732	5.697.145.068	5.697.145.068
- Nợ dài hạn đến hạn trả	14.493.607.795	14.493.607.795	16.557.520.998	14.965.407.029	16.085.721.764	16.085.721.764
- <i>Vay ngắn hạn (3)</i>	2.184.841.200	2.184.841.200	6.815.862.552	4.229.849.400	4.770.854.352	4.770.854.352
- <i>Nợ thuế tài chính đến hạn trả (4)</i>	12.308.766.595	12.308.766.595	9.741.658.446	10.735.557.629	11.314.867.412	11.314.867.412
	91.257.288.188	91.257.288.188	283.362.826.420	244.057.133.609	130.562.980.999	130.562.980.999
b) Vay dài hạn						
- Vay ngân hàng (3)	2.184.841.200	2.184.841.200	11.984.288.100	4.229.849.400	9.939.279.900	9.939.279.900
- Nợ thuế tài chính dài hạn (4)	28.535.530.640	28.535.530.640	1.464.193.197	11.010.637.629	18.989.086.208	18.989.086.208
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn (5)	26.000.000.000	26.000.000.000	104.000.000.000	-	130.000.000.000	130.000.000.000
	56.720.371.840	56.720.371.840	117.448.481.297	15.240.487.029	158.928.366.108	158.928.366.108
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(14.493.607.795)	(14.493.607.795)	(16.557.520.998)	(14.965.407.029)	(16.085.721.764)	(16.085.721.764)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	42.226.764.045	42.226.764.045			142.842.644.344	142.842.644.344

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:**(1) Bao gồm các hợp đồng sau:**

Hợp đồng tín dụng số 10.11.17.008 ngày 03 tháng 03 năm 2017 với Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 80.000.000.000 đồng với loại tiền vay là tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tương đương;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh các sản phẩm từ cao su;
- + Thời hạn cho vay: 6 tháng, đối với các khoản vay thanh toán LC trả chậm thì (thời hạn vay và thời hạn trả chậm) không quá 6 tháng;
- + Lãi suất cho vay: Thả nổi, được xác định tại thời điểm giải ngân/thời điểm điều chỉnh lãi suất, chịu sự điều chỉnh theo quy định về lãi suất của VIB từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 3.971.107.719 VND;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: Tài sản đảm bảo là hàng tồn kho luân chuyển bao gồm: Lốp xe đạp, xe máy, ô tô, máy bay, curoa, băng tải, vải mảnh....

Hợp đồng cho vay hạn mức số 107-2017/HDCV/NHCT126 ngày 19/09/2017 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng với loại tiền vay là tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tương đương;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh các sản phẩm từ cao su;
- + Thời hạn cho vay: Được ghi trên Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng;
- + Lãi suất cho vay: Được ghi trên từng Giấy nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 38.916.506.599 VND và 873.441,2 USD (tương đương với 19.862.052.888 VND);
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.

Hợp đồng tín dụng số 95/2017-HĐTDHM/NHCT260-SRC ngày 27 tháng 09 năm 2017 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh săm, lốp và các sản phẩm từ cao su;
- + Thời hạn cho vay: Không vượt quá 6 tháng;
- + Lãi suất cho vay: Được ghi trên từng Giấy nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 18.283.020.000 VND;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.

Hợp đồng tín dụng số 01/2017/135074/HĐTD ngày 17 tháng 07 năm 2017 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo lãnh thanh toán, mở L/C;
- + Thời hạn cho vay: Kể từ ngày hợp đồng đến hết ngày 30/06/2018;
- + Lãi suất cho vay: Được ghi trên từng Giấy nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 24.901.914.361 VND và 125.160 USD (tương đương với 2.845.512.600 VND);
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: Theo Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 01/2014/135074/HĐBĐ ngày 19/08/2014 giữa Công ty Cổ phần Cao su Sao vàng và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội và các Hợp đồng đảm bảo khác.

- (2) Khoản tiền vay của các cá nhân là cán bộ công nhân viên trong Công ty với thời gian dưới 12 tháng, lãi suất 6%/năm.



Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay (tiếp theo):

- (3) Hợp đồng tín dụng số 119-2016/HĐTD/NHCT126 ngày 24 tháng 08 năm 2016 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 30,5 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: Thanh toán các khoản chi phí hợp pháp, hợp lệ để thực hiện dự án đầu tư máy móc thiết bị theo kế hoạch đầu tư năm 2016-2017;
 - + Thời hạn cho vay: 40 tháng kể từ ngày rút tiền vay lần đầu;
 - + Lãi suất cho vay: Căn cứ theo từng giấy nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2017 là 9.939.279.900 đồng, số nợ gốc phải trả trong năm 2018 là 4.770.854.352 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Được quy định cụ thể tại các hợp đồng bảo đảm ký kết giữa bên cho vay và bên vay.
- (4) Khoản nợ thuê tài chính dài hạn bao gồm 17 hợp đồng thuê tài chính giữa Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng với Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với các thông tin như sau:
- + Số tiền cho thuê: 18.989.086.208 đồng;
 - + Mục đích vay: Sử dụng tài sản thuê phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn cho vay: 48 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất từng lần thông báo của bên cho vay;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2017 là 18.989.086.208 đồng, số dư nợ gốc phải trả trong năm tiếp theo là 11.314.867.412 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Ký cược số tiền 1.101.052.000 VND.
- (5) Khoản vay dài hạn Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn được sử dụng để góp vốn điều lệ tại Công ty TNHH Sao Vàng - Hoành Sơn, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất vay 0%/năm, hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp, số dư gốc vay tại thời điểm 31/12/2017 là 130.000.000.000 đồng.

21 . QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của Công ty được trích lập bắt đầu từ năm 2013 nhằm phục vụ việc nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới. Tuy nhiên, để tránh lãng phí việc sử dụng quỹ này trong thời gian tới nên Công ty thực hiện hoàn nhập 7.000.000.000 đồng được trích từ năm 2013 căn cứ theo nội dung của Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 1868/BB-TCKT ngày 30 tháng 12 năm 2017. Tính đến thời điểm 31/12/2017, số dư Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ là 6.000.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNGSố 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

22 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng		
Số dư đầu năm trước	200.474.150.000	3.605	6.457.920.487	(15.400.000)	71.130.644.517	54.356.089.231	332.403.407.840		
Tăng vốn trong năm trước	80.183.500.000	-	-	-	22.297.648.306	-	102.481.148.306		
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	67.335.765.694	67.335.765.694		
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(8.570.000)	-	-	(8.570.000)		
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-	(14.032.112.500)	(14.032.112.500)		
Tạm chia cổ tức từ lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	-	(28.063.368.000)	(28.063.368.000)		
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-	(28.743.687.854)	(28.743.687.854)		
Tạm trích quỹ từ lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	19.770.703.735	(25.342.891.397)	(5.572.187.662)		
Giảm vốn trong năm trước	-	-	(6.457.920.487)	-	(73.725.579.513)	-	(80.183.500.000)		
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(148.000.000)	(148.000.000)		
Giảm khác	-	-	-	-	-	(222.571.813)	(222.571.813)		
Số dư cuối năm trước (đã điều chỉnh)	280.657.650.000	3.605	-	(23.970.000)	39.473.417.045	25.139.223.361	345.246.324.011		
Số dư đầu năm nay (đã điều chỉnh)	280.657.650.000	3.605	-	(23.970.000)	39.473.417.045	25.139.223.361	345.246.324.011		
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	34.243.435.106	34.243.435.106		
Chi trả cổ tức (1)	-	-	-	-	-	(16.838.020.800)	(16.838.020.800)		
Tạm trích các quỹ năm nay (2)	-	-	-	-	10.219.208.616	(12.944.330.914)	(2.725.122.298)		
Tạm chi cổ tức năm nay (3)	-	-	-	-	-	(16.838.020.800)	(16.838.020.800)		
Giảm quỹ thường năm 2016 của Ban điều hành	-	-	-	-	-	164.000.000	164.000.000		
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(168.000.000)	(168.000.000)		
Tiền phạt chi phí sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	-	-	-	(11.406.386)	(11.406.386)		
Điều chỉnh trích các quỹ năm trước do ảnh hưởng điều chỉnh kiểm toán Nhà nước	-	-	-	-	318.854.429	(403.882.277)	(85.027.848)		
Số dư cuối năm nay	280.657.650.000	3.605	-	(23.970.000)	50.011.480.090	12.342.997.290	342.988.160.985		

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNGSố 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(1) Theo Nghị quyết số 68/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2017 của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Tham chiếu	Số tiền VND
Vốn điều lệ Công ty đến 31/12/2016	(1)	280.657.650.000
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối các năm trước	(2)	11.580.288.877
Lợi nhuận phát sinh năm 2016	(3)	82.841.146.995
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (3 x 20%)	(3.1)	16.568.229.399
Các khoản trừ vào lợi nhuận sau thuế	(3.2)	370.571.813
Lợi nhuận còn lại	(3.3) = (3) - (3.1) - (3.2)	65.902.345.783
Trích các quỹ (*):	(3.4)	25.178.891.397
- Trích Quỹ đầu tư phát triển (30%)		19.770.703.735
- Trích Quỹ khen thưởng ban điều hành		136.000.000
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (8%)		5.272.187.662
Lợi nhuận còn lại chia cổ tức cho cổ đông	(4) = (2) + (3.3) - (3.4)	52.303.743.263
Tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt tháng 12 năm 2016 (10% vốn điều lệ) (**)	(5)	28.063.368.000
Chi trả cổ tức bằng tiền mặt (6% vốn điều lệ)	(6)	16.838.020.800
Lợi nhuận còn lại chuyển năm sau	(7) = (4) - (5) - (6)	7.402.354.463

(*) Công ty thực hiện trích lập các quỹ vào Báo cáo tài chính năm 2016 theo Biên bản Hội đồng quản trị số 12/BB-HĐQT ngày 17/01/2017.

(**) Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 146/NQ-HĐQT ngày 15/11/2016, Công ty đã tạm ứng cổ tức bằng tiền cho cổ đông từ lợi nhuận sau thuế năm 2016 với tỷ lệ 10% vốn điều lệ cho cổ đông hiện hữu.

(2) Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 08/BB-HĐQT ngày 15/01/2018, Công ty quyết định tạm trích Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2017 như sau:

	Số tiền VND
Trích Quỹ đầu tư phát triển (30%)	10.219.208.616
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (8%)	2.725.122.298
Cộng	12.944.330.914

(3) Theo Nghị quyết số 132/NQ-HĐQT ngày 16/10/2017 của Hội đồng Quản trị, Công ty quyết định tạm chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2017 với tỷ lệ 6% vốn điều lệ cho cổ đông hiện hữu. Giá trị cổ tức tạm chia bằng tiền mặt này là 16.838.020.800 đồng.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	51,00%	143.139.150.000	51,00%	143.139.150.000
Các cổ đông khác	48,99%	137.494.530.000	48,99%	137.494.530.000
Cổ phiếu quỹ	0,01%	23.970.000	0,01%	23.970.000
	100%	280.657.650.000	100%	280.657.650.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNGSố 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	280.657.650.000	280.657.650.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	280.657.650.000	200.474.150.000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	80.183.500.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	280.657.650.000	280.657.650.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	33.676.041.600	42.095.480.500
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	16.838.020.800	14.032.112.500
- <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay</i>	16.838.020.800	28.063.368.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.065.765	28.065.765
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	28.065.765	28.065.765
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28.065.765	28.065.765
Số lượng cổ phiếu được mua lại (<i>cổ phiếu quỹ</i>)	2.397	2.397
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.397	2.397
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.063.368	28.063.368
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28.063.368	28.063.368
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	50.011.480.090	39.473.417.045
	50.011.480.090	39.473.417.045

23 . NGUỒN KINH PHÍ

Trong năm, Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng được Tập đoàn Hóa chất Việt Nam cấp tổng kinh phí để thực hiện đề tài nghiên cứu công nghệ chế tạo lốp xe đạp, xe máy lõi đặc. Tính đến thời điểm 31/12/2017, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam đã cấp kinh phí đợt 1 là 350 triệu đồng, trong khi Công ty đã thực hiện thanh toán chi phí thực hiện đề tài trong năm 2017 là 100 triệu đồng.

24 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**a) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2017	01/01/2017
Đồng đô la Mỹ (USD)	67.232,50	2.403,64

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý	5.249.170.110	2.472.823.344
- <i>Trong đó, nợ khó đòi đã xử lý khi cổ phần hóa là:</i>	993.764.271	993.764.271

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNGSố 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

25 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	918.860.112.703	897.398.291.208
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.952.511.178	13.132.096.571
Doanh thu bán vật tư	5.468.165.613	2.466.048.031
	936.280.789.494	912.996.435.810
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40.)	12.660.244.057	6.259.165.000

26 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	2.544.156.059	3.942.866.844
	2.544.156.059	3.942.866.844

27 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	(Đã điều chỉnh) VND
Giá vốn của hàng hoá, thành phẩm đã bán	780.160.083.041	725.444.847.992
Giá vốn của vật tư đã bán	4.293.773.812	1.945.111.652
	784.453.856.853	727.389.959.644

28 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	608.822.822	1.065.962.374
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	363.210.104	330.752.885
Lợi nhuận phân chia trước thuế từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	600.000.000	600.000.000
	1.572.032.926	1.996.715.259

29 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	7.844.890.620	9.281.764.443
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	3.436.287.000	3.021.833.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	82.532.803	119.338.510
Lỗ chênh lệch tỷ giá đo đánh giá lại số dư cuối năm	4.622.233	255.709.684
Dự phòng tổn thất đầu tư	321.195.278	395.703.354
	11.689.527.934	13.074.348.991

30 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nhân công	4.249.492.186	3.808.511.934
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.833.310.787	17.366.347.602
Chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm	6.796.016.560	5.790.698.604
Chi phí bán hàng khác	9.056.985.398	6.671.049.050
	37.935.804.931	33.636.607.190

31 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Năm 2016 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Chi phí nhân công	29.539.533.356	26.535.203.289
Thuế, phí, lệ phí	13.957.345.040	9.014.112.504
Chi phí dự phòng	345.914.618	408.051.119
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.578.867.065	5.030.332.017
Chi phí khác	10.561.492.445	14.243.047.687
	66.983.152.524	55.230.746.616

32 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.455.263.105	1.508.449.120
Hoàn nhập Quỹ Phát triển Khoa học Công nghệ (*)	7.000.000.000	-
Tiền bồi thường bảo hiểm tổn thất tài sản	-	86.085.579
Thu nhập khác	639.174.826	1.179.243.270
	9.094.437.931	2.773.777.969

(*)Theo nội dung Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 1868/BB-TCKT ngày 30 tháng 12 năm 2017, Công ty quyết định hoàn nhập Quỹ Phát triển Khoa học Công nghệ được trích lập từ năm 2013 với số tiền là 7.000.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNGSố 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

33 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	43.241.793.883	84.169.707.118
Thu nhập chịu thuế TNDN	43.241.793.883	84.169.707.118
- Thu nhập chịu thuế 25%	7.000.000.000	-
- Thu nhập chịu thuế 20%	36.241.793.883	84.169.707.118
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (*)	8.998.358.777	16.833.941.424
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	3.575.605.485	3.502.289.840
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(11.089.243.306)	(16.760.625.779)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	1.484.720.956	3.575.605.485

(*) Trong năm, Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng hoàn nhập Quỹ Phát triển Khoa học Công nghệ được trích lập từ năm 2013 với số tiền là 7.000.000.000 đồng. Do vậy, khoản thu nhập chịu thuế này được tính thuế Thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 25%. Các khoản thu nhập chịu thuế còn lại chịu mức thuế suất hiện hành là 20%.

34 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2017	Năm 2016 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	34.243.435.106	67.335.765.694
Các khoản điều chỉnh	(2.725.122.298)	(5.572.187.662)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế	(2.725.122.298)	(5.572.187.662)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	31.518.312.808	61.763.578.032
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	28.063.368	28.064.052
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.123	2.201

Công ty tạm trích Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2017 với số tiền 2.725.122.298 đồng căn cứ theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 08/BB-HĐQT ngày 15/01/2018.

35 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017	Năm 2016 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	653.552.259.619	545.546.376.560
Chi phí nhân công	112.103.721.459	102.043.916.204
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.638.663.853	23.176.192.871
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.357.732.966	37.020.154.530
Chi phí khác bằng tiền	88.663.698.248	75.190.239.418
915.316.076.145	782.976.879.583	

36 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản trương đương tiền	42.696.397.937	-	46.572.168.216	-
Phải thu khách hàng, phải thu	111.404.514.385	(3.268.744.697)	105.275.683.651	(5.699.176.845)
	<u>154.100.912.322</u>	<u>(3.268.744.697)</u>	<u>151.847.851.867</u>	<u>(5.699.176.845)</u>
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			273.405.625.343	133.484.052.233
Phải trả người bán, phải trả khác			202.692.491.003	189.499.237.645
Chi phí phải trả			455.379.870	669.473.271
			<u>476.553.496.216</u>	<u>323.652.763.149</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNGSố 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.696.397.937	-	-	42.696.397.937
Phải thu khách hàng, phải thu khác	107.216.717.688	919.052.000	-	108.135.769.688
	<u>149.913.115.625</u>	<u>919.052.000</u>	<u>-</u>	<u>150.832.167.625</u>
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.572.168.216	-	-	46.572.168.216
Phải thu khách hàng, phải thu khác	98.475.454.806	1.101.052.000	-	99.576.506.806
	<u>145.047.623.022</u>	<u>1.101.052.000</u>	<u>-</u>	<u>146.148.675.022</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Vay và nợ	130.562.980.999	142.842.644.344	-	273.405.625.343
Phải trả người bán, phải trả khác	59.192.491.003	143.500.000.000	-	202.692.491.003
Chi phí phải trả	455.379.870	-	-	455.379.870
	<u>190.210.851.872</u>	<u>286.342.644.344</u>	<u>-</u>	<u>476.553.496.216</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNGSố 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2017				
Vay và nợ	91.257.288.188	42.226.764.045	-	133.484.052.233
Phải trả người bán, phải trả khác	45.999.237.645	143.500.000.000	-	189.499.237.645
Chi phí phải trả	669.473.271	-	-	669.473.271
	137.925.999.104	185.726.764.045	-	323.652.763.149

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

37 . THÔNG TIN KHÁC

(1) Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng đã ký hợp đồng hợp tác đầu tư số 18/2016/HĐHTĐT/SRC-HS ngày 15/06/2016 với Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Sơn để thực hiện dự án "Tổ hợp Thương mại và Nhà ở Sao Vàng - Hoàng Sơn". Theo đó, Công ty TNHH Sao Vàng – Hoàng Sơn được thành lập và chịu trách nhiệm triển khai dự án. Tính đến thời điểm 31/12/2017, dự án vẫn đang tiếp tục thực hiện ở giai đoạn 1 là hoàn thành thủ tục pháp lý.

Hiện nay, Dự án đang được cơ quan Kiểm toán Nhà nước kiểm toán theo chuyên đề "Việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện các dự án đầu tư của Tập đoàn Công nghiệp Hoá chất Việt Nam, Tổng công ty Thuộc là Việt Nam và Tổng công ty Lương thực miền Nam". Trong khi Công ty chờ đợi kết luận kiểm toán của cơ quan Kiểm toán Nhà nước, Ban Tổng Giám đốc luôn tin tưởng Dự án được triển khai theo đúng quy định.

(2) Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 0186551460 ngày 13/07/2016 của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam cấp cho Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng, Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng sẽ thực hiện Dự án đi dòi và sản xuất lốp radial tại khu công nghiệp Châu Sơn, Hà Nam. Tới thời điểm 31/12/2017, Dự án mới phát sinh các chi phí lập hồ sơ thiết kế, đề án tính khả thi để trình Bộ Công thương phê duyệt.

38 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNGSố 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Định,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

39 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty là sản xuất và bán các loại sản phẩm từ cao su do Công ty tự sản xuất. Do đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Theo khu vực địa lý

	Xuất khẩu	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Tổng cộng toàn
	VND	VND	VND	VND	doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	134.980.792.524	523.783.753.798	133.816.822.207	141.155.264.906	933.736.633.435
Tài sản bộ phận	-	-	-	-	857.494.638.422
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	25.821.674.713	-	-	25.821.674.713

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNGSố 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

40 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		12.660.244.057	6.259.165.000
Công ty Cổ phần SUPE Phốt phát và Hoá Chất Lâm thao	Cùng tập đoàn	2.095.368.000	1.249.600.000
Công ty TNHH MTV APATIT Việt Nam	Cùng tập đoàn	4.833.950.000	2.289.069.200
Công ty Cổ phần DAP VINACHEM	Cùng tập đoàn	2.359.541.557	118.580.000
Công ty Cổ phần Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc	Cùng tập đoàn	108.900.000	312.122.800
Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	Cùng tập đoàn	583.000.000	611.710.000
Công ty Cổ phần Hoá chất Việt Trì	Cùng tập đoàn	1.961.624.500	1.185.309.400
Công ty Cổ phần DAP số 2 - VINACHEM	Cùng tập đoàn	717.860.000	492.773.600
Mua hàng hoá và dịch vụ		505.475.000	4.818.260.800
Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	Cùng tập đoàn	18.810.000	39.670.400
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hoá chất	Cùng tập đoàn	486.665.000	4.778.590.400
Góp vốn đầu tư		104.000.000.000	26.000.000.000
Công ty TNHH Sao Vàng - Hoành Sơn	Công ty liên kết	104.000.000.000	26.000.000.000

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		3.408.733.500	1.554.103.760
Công ty TNHH MTV APATIT Việt Nam	Cùng tập đoàn	1.123.265.000	540.650.000
Công ty Cổ phần DAP VINACHEM	Cùng tập đoàn	1.658.468.500	162.572.960
Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	Cùng tập đoàn	99.000.000	-
Công ty Cổ phần Hoá chất Việt Trì	Cùng tập đoàn	88.000.000	358.107.200
Công ty Cổ phần DAP số 2 - VINACHEM	Cùng tập đoàn	440.000.000	492.773.600
Trả trước cho người bán		120.462.390	-
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hoá chất	Cùng tập đoàn	120.462.390	-
Phải trả người bán ngắn hạn		4.950.000	2.986.619.000
Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	Cùng tập đoàn	4.950.000	-
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hoá chất	Cùng tập đoàn	-	2.986.619.000
Phải trả khác		-	244.528.899
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Công ty mẹ	-	244.528.899

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.821.152.124	2.702.068.826
<i>Trong đó, thu nhập của Tổng Giám đốc</i>	<i>411.018.461</i>	<i>676.285.130</i>

41 . S Ó L I E U S O S Á N H

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Nhân Tâm Việt kiểm toán.

Trong đó, một số chỉ tiêu được trình bày lại phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC như sau:

	Mã số	Số liệu tại	Số liệu tại	Chênh lệch	Ghi chú
		01/01/2017 trước điều chỉnh	01/01/2017 sau điều chỉnh		
Bảng cân đối kế toán					
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	34.444.062.358	26.000.000.000	(8.444.062.358)	(*)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	-	8.444.062.358	8.444.062.358	(*)

(*) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam được phân loại và trình bày lại do tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại Công ty này là 7%.



Lê Thị Thúy Lan
Người lập



Nguyễn Thanh Tùng
Trưởng phòng TCKT



Mai Chiến Thắng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2018

